

GIỚI THIỆU SÁCH

MỘT HƯỚNG ĐI ĐÚNG ĐEM LẠI MỘT
KẾT QUẢ ĐÁNG TRÂN TRỌNG

(Nhân đọc cuốn *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam* của TS. Nguyễn Hồng Dương - Nxb KHXH, Hà Nội 2001, 390 trang)

Tôn giáo nói chung và Công giáo nói riêng, từ lâu đã được nhiều nhà nghiên cứu nước ta đề cập tới dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhưng có điều đáng tiếc là, một vài tác giả không chỉ "ngoại đạo" về đức tin đối với tôn giáo đó mà còn xa lạ cả với tôn giáo mà họ nghiên cứu nữa. Cuốn *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam* (sau đây gọi tắt là *Nghi lễ và lối sống*) của TS. Nguyễn Hồng Dương vừa ra mắt bạn đọc đã khắc phục được khuyết điểm này và theo chúng tôi, đây là thành công chủ yếu của tác giả.

Đọc tác phẩm của Nguyễn Hồng Dương, chúng tôi thấy tác giả đã giành nhiều công sức cho việc thu thập, xử lí rất nhiều tài liệu của Công giáo từ Kinh Thánh, Giáo luật, Giáo sử cho đến các sách vở, văn bản của chính Giáo hội ẩn hành. Rồi từ các nghiên cứu điều tra khoa học cho đến những ghi chép trong các chuyến đi điền dã.... Tất cả đã giúp cho tác giả có một sự hiểu biết khá sâu sắc về đạo Công giáo - một tôn giáo mới du nhập vào nước ta hơn 4 thế kỉ. Không chỉ người ngoại đạo mà cả người Công giáo cũng ngạc nhiên với những điều tác giả viết trong sách một cách rõ ràng khúc chiết về lịch sử truyền giáo của Công giáo tại Việt Nam, về quá trình hội nhập văn hóa dân tộc một cách vất vả của tôn giáo này. Đặc biệt về nghi thức tế, lễ cầu mưa, cầu bằng yên hoặc phân biệt được sự khác nhau của các loại *kiệu Thánh thể, kiệu hoa, kiệu thánh* hay các loại *múa mỡ, múa trấc, múa trống*... Bằng các tư liệu

lịch sử, tác giả còn cho biết nhiều chi tiết thú vị. Chẳng hạn từ *dữu dân* (dân dữ, dân xấu đối lập với lương dân chỉ dân thiện, dân tốt) trước đây dùng để chỉ các tín đồ Công giáo, đến năm 1868 Giám mục Đông, Giám mục Hậu làm đơn xin vua Tự Đức cho đổi là *giáo dân*, còn lương dân gọi là *binh dân* (tr. 284). Người Công giáo có thể tự hào về những đóng góp của đạo mình với nền văn hóa dân tộc trên các lĩnh vực kiến trúc, ngôn ngữ, âm nhạc, báo chí, lối sống như cuốn *Nghi lễ và lối sống* viết: "Từ rất sớm, người Công giáo đã biết sống đời sống Phúc âm, đem Phúc âm vào cuộc sống gia đình. Hiếu đễ với ông bà, cha mẹ, kính trọng thầy giáo, anh em thương yêu, hoà thuận, mỗi con người phải biết sống trong sạch, đó là truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. Truyền thống ấy đã được Công giáo học hỏi, kế thừa, phát huy" (tr. 351).

Cuốn sách được chia làm hai phần chính: *Nghi lễ Công giáo trong văn hóa Việt Nam* và *Lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*. Ở bất cứ mục nào tác giả cũng ưu tiên trình bày nội dung hoặc mô tả vấn đề như *nó vốn có*, sau đó mới đưa ra vài nhận định của mình. Điều này giúp cho người đọc không bị chi phối bởi thiên kiến của tác giả. Chẳng hạn sau khi trình bày rất dài về ứng xử của người Công giáo với vấn đề *thờ cúng tổ tiên* theo dòng lịch sử qua các văn kiện của Giáo hội từ xưa tới nay từ trang 201 đến 260, tác giả đưa ra nhận xét: "Như vậy, niềm tin tôn giáo của người Công giáo Việt Nam, ngoài việc hướng về Thiên Chúa (niềm tin chủ đạo), đồng thời còn hướng về Đức Maria, về các vị Thánh với những chức năng khác. Đặc biệt còn hướng về những vị thần linh ngoài Kitô giáo để cầu xin"(tr. 257). Có thể có người không nhất trí với nhận định trên và cho rằng người Công giáo chỉ tin và thờ một Chúa duy nhất. Đúng, lí thuyết là như vậy, nhưng thực tế lại là chuyện khác. Giống như người Công giáo biết rất rõ chỉ có Đức Kitô là Đấng trung gian duy nhất nhưng họ vẫn cầu xin Đức Maria, các thánh như là người chuyển lời khẩn cầu của mình một cách có hiệu quả nhất lên Chúa vậy.

Đối với các nhà nghiên cứu Công giáo, cuốn sách *Nghi lễ và lối sống* cũng rất bổ ích vì nó cung cấp nhiều tư liệu, văn bản có giá trị. Ví

như các Thư chung về vấn đề *nộp cheo cưới* của Giám mục P.M Đông (tr. 266), về *giáo dục trẻ em* (tr. 324 - 329), hoặc các quan sát tinh tế của tác giả trong các cuộc lễ, rước cũng như những khám phá qua các văn bia như *bia cúng hậu* ở xứ Phùng Khoang (Hà Nội) (tr. 235)...

Đối với người ngoài Công giáo, đây có thể là một tài liệu tốt để hiểu đúng hơn về tôn giáo này, giúp người đọc có một đánh giá khách quan hơn với cả những tích cực và tiêu cực của nó trong lịch sử cũng như ngày nay.

Chúng tôi tán đồng với định nghĩa về hội nhập văn hóa Kitô giáo mà tác giả đưa ra ở trang 69: "Hội nhập văn hóa Kitô giáo chính là sự tiếp ứng, tiếp biến văn hóa Kitô giáo sao cho phù hợp với đặc thù văn hóa một cộng đồng người, văn hóa một quốc gia, trên cơ sở đó mà sản sinh ra những giá trị văn hóa mới bồi đắp cho văn hóa cộng đồng người, văn hóa một quốc gia và cả văn hóa Kitô giáo nhưng cả hai đều không mất đi căn tính của mình". Rõ ràng đây không phải là định nghĩa của thần học hay Kitô học, nhưng cả giới Công giáo và các nhà nghiên cứu đều có thể chấp nhận được. Hội nhập văn hóa là vấn đề mà Giáo hội quan tâm từ lâu nhất là sau Công đồng Vatican II. Các chiều kích của nó được bổ sung và hoàn thiện dần. Lúc đầu vào những năm 70 của thế kỉ XX, đó là quá trình một chiều với chủ trương "đưa Tin Mừng sáp nhập vào nền văn hóa để sàng lọc và thanh tẩy nó". Sau đó đến năm 1978 mới có quan niệm hai chiều: "Tin Mừng và văn hóa bản địa bổ sung cho nhau". Dĩ nhiên cũng có người phản đối dùng khái niệm hội nhập văn hóa. Ví dụ, Hồng y Ratzinger viết: "Chúng ta không nên nói hội nhập văn hóa mà phải nói là sự gặp gỡ của các nền văn hóa hay có thể nói tính giao thoa của văn hóa (interculturality) (Bản tin Hiệp thông số 5, tr. 177). Nhưng dù hiểu theo cách nào, hội nhập văn hóa cũng không phải giản đơn như kiểu ghép cành cam vào cây chanh để cho một thứ quả vừa có mùi chanh vừa có mùi cam mà đó là sự tương tác biện chứng, cả hai đều được bồi đắp những giá trị văn hóa mới nhưng không làm mất đi căn tính của mình như tác giả *Nghi lễ và lối sống* đã viết.

Bên cạnh những ưu điểm chính trên đây, cuốn sách còn để lại nhiều lỗi morat và một số

chi tiết phải đính chính. Ví dụ "ngày 19 - 3 - 1626, giáo sĩ Đắc Lộ tới Cửu Bạng" (tr. 16), chính xác là *năm 1627*, hoặc "năm 1998 Giáo hội Công giáo Việt Nam tổ chức kỉ niệm 100 năm Đức Mẹ hiện ra ở La Vang" (tr. 317), đúng ra là *200 năm*. Hoặc một số câu cần diễn đạt lại cho chuẩn theo tinh thần Công giáo. Chẳng hạn "Mông Một Tết cầu cho Đức Chúa Cha, mông 2 Tết cầu cho Đức Chúa Con (tr. 198), phải thay chữ cầu cho bằng chữ *Kính thờ* vì là Chúa chẳng cần ai cầu cho nữa! Hay "khi nghe tiếng chuông sâu, tín đồ ngừng việc đang làm hướng về phía nhà thờ đọc kinh Lạy Cha" (tr. 228). Chỉ cần viết "đọc kinh" là đủ (thông thường người ta đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính mừng, kinh Sáng danh, kinh Chúng tôi cậy vì danh Chúa và kinh Vực sâu). Cũng có nhận định chưa được chính xác. Ví dụ tác giả viết: "Có thể nói về mặt quan phương, Công giáo trước Công đồng Vatican II không quan tâm đến các nền văn hóa của các dân tộc mà nó truyền giáo. Vì vậy, Công giáo cũng không quan tâm đến vấn đề hội nhập văn hóa các dân tộc trong đó có Việt Nam" (tr. 62 - 63). Nói chưa quan tâm nhiều và có hệ thống thì đúng hơn, bởi chính trong tr. 70 tác giả dẫn ra Huấn thị của Bộ Truyền giáo cho hai Giám mục Pallu và Lambert de la Motte năm 1659 (xem *Thập giá và Lưỡi gươm* - Trần Tam Tỉnh, Nxb Trẻ 1988, tr. 18 - 19): "Các Ngài cẩn thận giữ mình, đừng ra sức bảo các dân tộc ấy từ bỏ nghi lễ, tập tục, phong cách của họ, miễn là điều ấy không ngang nhiên ngược với đạo Thánh và phong hoá tốt. Bởi vì có gì vô lí hơn là việc đưa nước Pháp, Tây Ban Nha hay nước Ý hay một phần đất của Châu Âu vào nhà người dân Trung Quốc"...

Dù vẫn còn hạt sạn, nhưng cuốn sách *Nghi lễ và lối sống* vẫn là một hướng đi đúng trong nghiên cứu về Công giáo và nó thực sự bổ ích như lời giới thiệu của PGS. TS. Đỗ Quang Hưng "đây là một hướng nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam nói riêng và nghiên cứu về văn hóa Việt Nam nói chung rất đáng quan tâm, khuyến khích".

Huy Thông